TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM THÀNH** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST Ngày: 29/12/2020 V/v :"*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trung.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quy;
2. Ông Đào Xuân Tìm.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Phạm Văn Bẩy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Vui, Kiểm sát viên.

Ngày 29/12/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 231/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01/10/2020 về việc kiện xin ly hôn và tranh chấp việc nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2020/QĐXX-ST ngày 07/12/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 60 ngày 24/12/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị N, sinh năm 1992.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Quê quán, nơi cư trú: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Anh Hứa Văn T, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, trú quán: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ chị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại UBND xã Kim Liên, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương vào năm 2013. Vợ chồng chị sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn, ly thân do anh T nghiện ma túy, không chịu lao động, không quan

tâm gia đình, vợ con và còn lấy tiền của chị để sử dụng ma túy. Chị đã nhiều lần phải về nhà ngoại sinh sống nhưng nghĩ đến các con còn nhỏ, chị lại quay về đoàn tụ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị kiên quyết xin ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hứa Minh H, sinh ngày 17/6/2014 và Hứa Nhật M, sinh ngày 25/11/2015, hiện cả hai cháu H và cháu M đang ở cùng chị, khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng/cháu. Chị hiện làm công nhân, thu nhập bình quân 9.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh T trình bày: Về điều kiện, thời gian kết hôn N chị N trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng: Do bản thân anh đã sử dụng ma túy 6 năm nay nên không có tiền chu cấp cho vợ con mà còn lấy tiền của chị N để chơi bời, lúc nóng nảy có nói điều không hay với chị N. Tuy nhiên anh vẫn yêu thương vợ con và không đồng ý ly hôn chị N.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Hứa Minh H, sinh ngày 17/6/2014 và Hứa Nhật M, sinh ngày 25/11/2015, hiện cả hai cháu H và cháu M đang ở cùng chị N, do anh không đồng ý ly hôn nên anh chưa có ý kiến gì về việc nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Chị N vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh T; xin được trực tiếp nuôi cháu Hứa Minh H và tự nguyện để anh T nuôi cháu Hứa Nhật M; chị tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

- Anh T không đồng ý ly hôn chị N; anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai cháu Hứa Minh H và Hứa Nhật M, anh tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung; anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã thụ lý đúng thẩm quyền, việc thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, thời hạn giải quyết, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên toà Hội đồng xét xử đã tuân theo Pháp luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hướng giải quyết vụ án: Xử cho chị N được ly hôn anh T; giao cho chị N được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc cháu Hứa Minh H cho đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi, giao cháu Hứa Nhật M cho anh T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2021 đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai; các đương sự đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung; chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ của vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà, Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương có đủ cơ sở xác định:

1/ Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị N và anh Hứa Văn T kết hôn với nhau dựa trên cơ sở tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Liên, huyện Kim thành, tỉnh Hải Dương là hôn nhân hợp pháp. Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai anh T và tại ba lần hòa giải, anh T đều thừa nhận bản thân anh nghiện ma túy nhiều năm nay, anh không chăm lo cho vợ con mà còn lấy tiền của chị N chơi bời, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Chị N xác định tình cảm giữa chị và anh T thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị cương quyết xin ly hôn anh T. Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh T thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị N được ly hôn anh T là phù hợp.

2/ *Về con chung:* Chị N và anh T có hai con chung là Hứa Minh H, sinh ngày 17/6/2014 và Hứa Nhật M, sinh ngày 25/11/2015, hiện cả hai cháu H và cháu M đang ở cùng chị N. Quá trình giải quyết vụ án, chị N xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng/cháu; anh T xin được nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên hòa giải ngày 01/12/2020 và tại phiên tòa, chị N xin được trực tiếp nuôi cháu Hiếu và tự nguyện để anh T nuôi cháu Minh, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai. Anh T vẫn xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và tự nguyện không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con. Xét chị N và anh T đều có công việc ổn định, đều xin được trực tiếp nuôi con, vì vậy cần giao cháu M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giao cháu H cho chị N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của chị N và anh T, phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3/ *Về tài sản chung và công nợ:* Chị N và anh T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

4/ *Về án phí:* Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án, chị N phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

2/ Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Trần Thị N được ly hôn anh Hứa Văn T.

3/ Về quan hệ con chung: Chị N và anh T có hai con chung là Hứa Minh H, sinh ngày 17/6/2014 và Hứa Nhật M, sinh ngày 25/11/2015, hiện cả hai cháu H và cháu M đang ở cùng chị N.

Giao cháu Hứa Nhật M cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc từ tháng 01/2021 đến khi cháu M trưởng thành đủ 18 tuổi. Giao cháu Hứa Minh H cho chị N được tiếp tục trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

4/ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số AA/2018/0001555 ngày 29 tháng 9 năm 2020.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị N và anh T. Báo cho chị N và anh T biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Kim Thành;*
- *Chi cục THA dân sự huyện Kim Thành;*
- *UBND xã Kim Liên, huyện Kim Thành;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: Hồ sơ, văn phòng Tòa án..*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Nguyễn Văn Trung